

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-4-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa
2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn N, xã NH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi;

Bị đơn: Anh Phạm Duy X, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ DP 2, phường PT, thị xã DP, tỉnh Quảng Ngãi;

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/8/2022, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Chị và anh Phạm Duy X tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa vào năm 2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh X không lo làm ăn, thường tụ tập bạn bè, uống rượu bia kể cả khi vợ chồng đã có con chung. Chị đã nhắc nhở nhiều lần nhưng anh X vẫn không thay đổi. Chị và anh X sống ly thân từ đầu năm 2021. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống với anh X nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Xôn.

Về con chung: Vợ chồng chị N có 02 con chung tên Phạm Đại V, sinh ngày 03/10/2017 và Phạm Đại T, sinh ngày 15/9/2020, hiện nay chị N đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Duy X đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng anh X không vắng mặt trình bày ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N; giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Phạm Duy X ở Tổ DP 2, phường PT, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Duy X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Xôn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Phạm Duy X tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh X là hoàn toàn hợp pháp. Theo chị N vợ chồng sống không hạnh phúc, anh X không lo làm ăn, không làm tròn trách nhiệm của người cha. Về phía cha của anh X là ông Phạm Ngọc Tr, ông cho biết vợ chồng N-X thời gian đầu sống hạnh phúc, tuy nhiên do dịch bệnh ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nên vợ chồng N-X thường phát sinh mâu thuẫn. Giữa chị N và anh X đã sống ly thân một thời gian, phần ai nấy sống, hai bên đã không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập các bên để tham gia hòa giải nhưng anh X không đến Tòa. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh X đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn anh X.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị N, anh X có 02 con chung tên Phạm Đại V, sinh ngày 03/10/2017 và Phạm Đại T, sinh ngày 15/9/2020, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Việt mới 6 tuổi, còn cháu Thắng dưới 36 tháng tuổi, cả hai cháu đang ở sống với chị N. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cả hai con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn anh Phạm Duy X.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Đại V, sinh ngày 03/10/2017 và Phạm Đại T, sinh ngày 15/9/2020 cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Phạm Duy X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002740 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

